

Số: /BC-SXD

An Giang, ngày tháng 11 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**  
**Năm 2025**

Căn cứ vào Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Thực hiện Công văn số 3445/STC-VP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Sở Tài chính An Giang về việc gửi báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 (lần 2).

Trong quá trình thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh An Giang, sau khi sáp nhập tỉnh Sở Xây dựng cũng gặp ít khó khăn, tuy nhiên vẫn chỉ đạo, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí một cách tốt nhất. Sở Xây dựng báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

**1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025**

Trong năm 2025, Sở Xây dựng đã phối hợp, triển khai, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của các đơn vị trực thuộc trong các kỳ họp.

Qua tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về THPT, CLP, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Sở Giao thông vận tải đều nâng lên nhận thức về ý thức, trách nhiệm của mình trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**2. Việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

Trong năm 2025, Sở Xây dựng thường xuyên chỉ đạo quán triệt đến các đơn vị trực thuộc về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện quản lý, tổ chức quán triệt cho công chức, hợp đồng lao động nắm những nội dung cơ bản của các văn bản, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các quy định pháp luật, ngành như: quy định về sử dụng biên chế, quản lý chặt chẽ trong thu chi hành chính; quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công,.... để nâng cao đời sống của cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

**3. Công tác thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định và việc xử lý vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các vụ việc gây lãng phí tại cơ quan:** Không có vi phạm gì.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực:**

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực:

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức tiêu chuẩn, chế độ:

- Trong quá trình xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, quy định về quản lý và sử dụng tài sản công, toàn thể công chức, viên chức, người lao động thống nhất xây dựng các định mức chi tiêu cụ thể nhỏ hơn hoặc bằng tiêu chuẩn định mức theo quy định.

- Triển khai thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan. Xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, quy định về quản lý và sử dụng tài sản công. Chi tiêu tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch và có hiệu quả nguồn kinh phí cấp, thực hiện công khai các khoản thu, chi tài chính của cơ quan theo định kỳ hàng quý.

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

- Triển khai thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan. Chi tiêu tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch và có hiệu quả nguồn kinh phí cấp, thực hiện công khai các khoản thu, chi tài chính của cơ quan theo định kỳ hàng quý.

- Thực hiện quy định của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng đã cắt giảm bớt số lượng cuộc họp khi không cần thiết, nâng cao chất lượng các cuộc họp trong hoạt động của cơ quan. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức các cuộc họp, góp phần tích cực tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính.

- Khi thay các thiết bị điện bị hỏng thì thay các loại thiết bị có dán nhãn tiết kiệm điện.

- Giảm thiểu tối đa việc mua sắm các thiết bị chưa cần thiết và tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm.

- Thực hiện việc xử lý văn bản qua hệ thống văn phòng điện tử, sử dụng chuyên gửi công văn qua hệ thống thư điện tử của tỉnh, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian và chi phí.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Đối với phương tiện đi lại, phương tiện làm việc được cấp: Sau khi thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh An Giang, Sở Xây dựng đã có báo cáo bàn giao, tiếp nhận tài sản công và đề nghị giao tài sản về Sở Tài chính để quản lý, sử dụng và trả lại xe ô tô, mô tô, cano dư không còn nhu cầu sử dụng. Cụ thể:

+ Tổng xe ô tô: **25** xe ô tô (trong đó xe dùng chung: 07 xe ô tô; xe chuyên dùng 18 xe ô tô). Tiếp tục sử dụng: **06** xe ô tô dùng chung Văn phòng Sở. **Đôi dư 19** xe ô tô đề nghị bàn giao về đơn vị có nhu cầu sử dụng 01 xe dùng chung và 18 xe chuyên dùng.

+ Tổng xe Mô tô chuyên dùng: **41** xe mô tô: Đã điều chuyển **04** xe mô tô giao Cảnh vụ đường thủy nội địa. Hiện còn **đôi dư 37** xe mô tô; Tổng số tàu, ca nô, vỏ máy: 03 cái, tiếp tục sử dụng: 01 tàu thỏ châu 09 Phú Quốc; hư hỏng 01 vỏ máy (đề nghị thanh lý.); **Đôi dư 01** ca nô. Theo đó, Sở Xây dựng đã thông báo “*đến các Sở, ban, ngành, tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có nhu cầu sử dụng tài sản trên theo tiêu chuẩn định mức quy định của đơn vị được phép sử dụng tài sản (mô tô; ca nô) nêu trên thì gửi văn bản đến Sở Xây dựng để được hướng dẫn điều chuyển.* Việc quản lý và sử dụng phương tiện đi lại theo đúng mục đích sử dụng trên tinh thần tiết kiệm, ưu tiên những công việc quan trọng, cấp thiết.

- Đối với tài sản, trang thiết bị làm việc: Sở Xây dựng thực hiện việc mua sắm theo kế hoạch và theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiết kiệm, sử dụng tối đa tài sản hiện có, sửa chữa nâng cấp những tài sản trang thiết bị hư hỏng, chỉ mua sắm mới khi thật sự cần thiết để đáp ứng nhu cầu công việc phục vụ tốt công tác chuyên môn của ngành.

d) Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Sở Xây dựng sau khi thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh An Giang về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh An Giang. Sau sáp nhập, việc sử dụng trụ sở nơi làm việc theo đúng quy định, đúng mục đích sử dụng. Sở đã có Báo cáo số 12/BC-SXD ngày 15/7/2025 báo cáo về việc tiếp nhận, bàn giao tài sản công và giao lại tài sản tài sản nhà, đất đôi dư không còn nhu cầu sử dụng. Trong quá trình sắp xếp tài sản nhà, đất, trụ sở làm việc, Sở Xây tự nguyện trả lại nhà, đất kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi giao nhà, đất về Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý, khai thác theo Luật Đất đai và đồng thời không để phát sinh hư hỏng lớn gây lãng phí. Cụ thể:

- Tài sản đôi dư sau sắp xếp: 14
- Đã bàn giao về Trung tâm phát triển quỹ đất là: 13
- Hiện tại giữ lại 01 trụ sở và đã được UBND tỉnh chấp thuận để lưu trữ hồ sơ, và chứa các vật tư, vật liệu dự trữ để dự phòng cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Ngoài ra, quy định về thời gian làm việc, yêu cầu đảm bảo thời gian theo quy định đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc nhằm hoàn thành tốt kế hoạch năm.

e) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện, nước thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập như tắt tất cả các thiết bị dùng điện khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc, sử dụng ánh sáng tự nhiên,... đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về tiết kiệm chống lãng phí tại đơn vị.

f) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Thực hiện nghiêm Luật Lao động, Luật công chức, viên chức về sử dụng, quản lý công chức, viên chức; thực hiện nghiêm nội quy, quy chế cơ quan đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc.

- Việc cử cán bộ, công chức đi công tác đảm bảo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy chế chi tiêu nội bộ về đối tượng, chế độ, định mức công tác phí.

g) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng của cán bộ công chức, viên chức:

Sở Xây dựng thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ công chức, viên chức, người lao động thực hiện nếp sống văn minh nơi công sở, xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Việc tổ chức phải hết sức tiết kiệm, lành mạnh, không phô trương, hình thức, không tổ chức nhiều ngày gây lãng phí.

Thực hiện nghiêm Luật Lao động, Luật công chức, viên chức về sử dụng, quản lý công chức, viên chức; thực hiện nghiêm kỷ luật giờ giấc lao động, làm việc, đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc.

Việc cử cán bộ, công chức đi công tác đảm bảo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy chế chi tiêu nội bộ về đối tượng, chế độ, định mức công tác phí.

**2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:** Trong kỳ chưa phát hiện các hành vi lãng phí của các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng.

### **3. Phân tích, đánh giá:**

Nhìn chung kết quả thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan trong năm 2025 thực hiện tốt và không có hiện tượng lãng phí, mọi cán bộ công chức đều đồng lòng với tinh thần tiết kiệm chống lãng phí trong cơ quan và đề mục đích tăng thu nhập cá nhân từ các khoản tiết kiệm.

Đạt được kết quả như trên là nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy Sở, điều hành của lãnh đạo Sở, sự nghiêm túc, tự giác thực hiện tiết kiệm, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các phòng, ban, đơn vị đã góp phần phát triển kinh tế xã hội nói chung, tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công viên chức nói riêng của ngành giao thông.

Tuy nhiên, một số bộ phận vẫn còn hạn chế về ý thức chấp hành và chưa xem công tác thực hành, tiết kiệm chống lãng phí như nhiệm vụ trọng tâm nên hiệu quả từng lúc đạt chưa cao. Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đôi lúc chưa được thường xuyên; mới tập trung chủ yếu vào đối tượng là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa được tiến hành sâu rộng đến nhân viên lao động; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, thời lượng tuyên truyền còn ít.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO**

**1.** Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thực hiện công tác cải cách hành chính trong cơ quan, tăng cường công tác sử dụng, trao đổi hồ sơ thông qua văn bản điện tử, tiết kiệm triệt để trong quản lý và sử dụng tài sản công trong đơn vị; gắn với cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phát động toàn thể cán bộ công chức, viên chức, lao động nâng cao ý thức tự giác thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao thu nhập.

3. Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa các quy định của pháp luật để ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy định nội bộ về việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng kinh phí cơ quan, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

4. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra nhất là công tác kiểm tra nội bộ trong việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao, kiên quyết xử lý các hành vi và biểu hiện lãng phí.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Sở Xây dựng báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo chung./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tài chính;
- Giám đốc và các PGĐ;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Việt Bắc**

UBND TỈNH AN GIANG  
SỞ XÂY DỰNG

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH  
ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn Vị	Biên Chế			Kinh phí tiết kiệm được Năm 2025		Kinh phí tiết kiệm dùng để chia thu nhập năm 2025			Thu nhập tăng thêm người/tháng			Hệ số thu nhập tăng thêm				Ghi Chú	
		Được giao	Có Mặt	Tiết Kiệm	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Thu nhập BQ/ người tháng	Người có thu nhập bình quân cao nhất/tháng	Người có thu nhập bình quân thấp nhất/tháng	Dưới 1 lần	Từ trên 1-2	Từ trên 2 -3		Từ trên 3-4
						Từ nguồn NSNN (Nguồn tự chủ)	Tự nguồn thu phí được để lại, thu khác		Nguồn NSNN	Nguồn phí								
A	B	1	2	3=2-1	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>Tổng</b>																		
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>203</b>	<b>147</b>	<b>(56)</b>	<b>439</b>	<b>439</b>	-	-	-	-	<b>2,450</b>	<b>2,600</b>	<b>2,010</b>					
1	Văn phòng Sở	191	135	(56)	303	303		-			1,20	1,30	1,11					
2	Cảng vụ đường thủy nội địa	12	12		136	136		-			1,25	1,30	0,90					

UBND TỈNH AN GIANG  
SỞ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 60/2021/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 2021  
NĂM 2025**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Biên Chế			Kinh phí tiết kiệm được				Kinh phí tiết kiệm dùng để chi thu nhập tăng thêm				Thu nhập tăng thêm người/tháng			Hệ số thu nhập tăng thêm				Ghi chú		
		Được giao	Có mặt	Tiết kiệm	Tổng	Trong đó:				Tổng	Trong đó:				Thu nhập BQ /người/ tháng	Người có thu nhập BQ cao nhất /tháng	Người có thu nhập BQ thấp nhất/tháng	Dưới 1 lần	Từ 1 đến dưới 2 lần		Từ 2 đến dưới 3 lần	trên 3 lần
						Từ nguồn NSNN (nguồn tự chủ)	Từ nguồn thu phí được để lại	Từ nguồn dịch vụ	Từ nguồn thu khác		Từ nguồn NSNN (nguồn tự chủ)	Từ nguồn thu phí được để lại	Từ nguồn dịch vụ	Từ nguồn thu khác								
<b>II</b>	<b>Nghị định 60/2021/NĐ-CP</b>																					
<b>1</b>	<b>Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên</b>																					
1.1	Xí nghiệp bến xe tàu Kiên Giang	125	125	0	5.940,00			5.840	100	2.805,00			2.805	4,50	6,50	2,50		1,9				
1.2	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	24	24	0	1.895,00		800	695,00	400	579,15		0,15	429	150	5,00	8,00	2,00					
1.3	Trung tâm quy hoạch xây dựng	32	29	3	979,296			979,30		497,21			497,21	2,857	6,611	0,90						
1.4	Trung tâm kiểm định dịch vụ xây dựng	36	32	4	0,000																	
1.5	Bến xe Châu Đốc An Giang	33	33	0	4.723			4.723				2.805	4,50	6,50	2,50		1,80					

1.6	Trung tâm giao dục nghề nghiệp GTVT	275	273	2	19.642		19.642				5.096		2,30	3,90	1,50		1,70			
1.7	Ban Quản lý bảo trì đường bộ	25	25	0	208,000		208													
1.8	Trung tâm đăng kiểm thủy bộ An Giang	37	37	0	2.127,000		2.127				150		2,00	3,40	0,60		1,60			
1.9	Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng An Giang	47	42	5	0,000															
<b>2</b>	<b>Đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên</b>																			
2.1	Cảng vụ đường thủy nội địa	30	30		1.259		1.259			328	328		1,60	1,70	1,00		1,38			

## Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: NĂM 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và KH		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	1	1		0%	0%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							Số tiền tiết kiệm xd trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khóa chi được duyệt
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>							Số tiền tiết kiệm xd trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khóa chi được duyệt
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	Tiết kiệm chi cho con người	triệu đồng	337	500	439	130,27%	87,80%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	47	21	15	31,91%	71,43%	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	40	18		0,00%	0,00%	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	63	24	15	23,81%	62,50%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	43	100	20	46,51%	20,00%	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	9	20		0,00%	0,00%	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	71	100		0,00%	0,00%	

	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	11	50	50	454,55%	100,00%	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	17	20		0,00%	0,00%	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	51	160	50	98,04%	31,25%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	4,8	10			0,00%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	686	1.900	413	60%	21,74%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							Do sáp nhập theo Nghị quyết 08/NQ-HĐND, số lượng phương tiện đi lại đã điều chuyển 05 và trả về tỉnh 55.
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		66	66	100,00%		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		60	60	100,00%		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							

2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		29	29	100,00%		Tài sản thiết bị chuyên môn đổi dư đã chuyển về cho đơn vị khác sử dụng
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án		1	2		200,00%	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		6.124			0,00%	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		2.000	2.550		127,50%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		4.114	4.115		100,02%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		10	10		100,00%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							

<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	30	23	50	166,67%	217,39%	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	14.000	16.500	25.500	182,14%	154,55%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	60	72	72	120,00%	100,00%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	5.442,77	5.442,77	5.665,43	104%	104%	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	5.665,43	5.665,43	3.368,00	59%	59%	
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu năm	triệu đồng	15.564,23	15.564,23	14.206,10	91%	91%	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	13.550,48	13.550,48	8.667,02	64%	64%	
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

